

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Hồ Bà Râu - Hồ Sông Trâu, tỉnh Ninh Thuận của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Xét Văn bản số 2400/STNMT-MT ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - hồ Bà Râu - hồ Sông Trâu, tỉnh Ninh Thuận;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3207/TTr-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - hồ Bà Râu - hồ Sông Trâu, tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại: xã Lợi Hải và xã Công Hải, huyện Thuận Bắc; xã Phước Hòa huyện Bác Ái; xã Lương Sơn và xã Lâm Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Thuận Bắc, Ninh Sơn và Bác Ái; Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- UBND các xã: Lợi Hải, Công Hải, Phước Hòa, Lương Sơn và Lâm Sơn;
- Chủ dự án (3b);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN HỆ THỐNG CHUYỂN NƯỚC TÂN MỸ - HỒ BÀ RÊU - HỒ SÔNG TRÂU, TỈNH NINH THUẬN CỦA BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI 7

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

I. Thông tin về Dự án:

1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - hồ Bà Rêu - hồ Sông Trâu, tỉnh Ninh Thuận.

- Địa điểm thực hiện: xã Lợi Hải và xã Công Hải, huyện Thuận Bắc; xã Phước Hòa huyện Bác Ái; xã Lương Sơn và xã Lâm Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7.

2. Phạm vi, quy mô:

a) Tổng diện tích đất sử dụng khoảng 31 ha (trong đó có khoảng 5,79 ha đất trồng lúa).

b) Dự án Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Hồ Bà Rêu - Hồ Sông Trâu, tỉnh Ninh Thuận, gồm có 02 hợp phần:

- Hợp phần hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - hồ Bà Rêu- hồ Sông Trâu (gọi tắt là hợp phần Tân Mỹ) được thực hiện trên địa bàn các xã: Lợi Hải và Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

+ Tuyến ống chính: Dài khoảng 8.112 m.

+ Tuyến ống nhánh: Tuyến ống cấp cho hồ Bà Rêu dài khoảng 1.645 m và tuyến ống cấp cho hồ Sông Trâu dài khoảng 3.539 m.

+ Đường quản lý vận hành: Dài khoảng 7.975 m.

- Hợp phần hệ thống dẫn nước khu tưới đầu mối hồ Sông Cái (gọi tắt là hợp phần Sông Cái) được thực hiện trên địa bàn các xã: Phước Hòa huyện Bác Ái; xã Lâm Sơn và xã Lương Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

+ Tuyến ống chính: Dài khoảng 4.706 m.

+ Tuyến ống nhánh: Dài khoảng 6.481 m.

+ Đường quản lý vận hành: Dài khoảng 4.668,4 m.

3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Các hạng mục công trình chính của Dự án, bao gồm các tuyến ống dẫn nước, đường phục vụ thi công kết hợp với đường quản lý vận hành công trình và các công trình phụ trợ khác như: Khu vực lán trại, bãi thải, kho chứa chất thải nguy hại.

II. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của Dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường như: Phát quang tạo mặt bằng thi công; hoạt động đào, đắp đất để thi công tuyến ống dẫn nước, tuyến đường phục vụ thi công kết hợp với đường quản lý vận hành công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị gây phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

III. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

Đối với Dự án này, nguồn gây tác động chính đến môi trường chủ yếu tập trung ở giai đoạn thi công xây dựng, gồm: Bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, hoạt động đào, đắp đất; hoạt động vận chuyển; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án. Cụ thể:

1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, tổng Coliforms,...

- Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂,...): Phát sinh chủ yếu từ hoạt động phát quang, đào, đắp đất, vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, thi công các hạng mục công trình,...

2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của công nhân với lượng thải khoảng 51 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn dư thừa.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang tạo mặt bằng thi công: Chủ yếu là thực vật (cành, lá, rễ cây,...) với lượng thải khoảng 492 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng: Đất đào phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình với lượng thải khoảng 71.000 m³; sắt, gỗ vụn, bao bì,...phát sinh khoảng 350 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 600 kg trong thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu nhớt thải, ắc quy hỏng,... từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ thi công tại Dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án.

4. Tác động do chuyển đổi đất trồng lúa:

Dự án khi triển khai thực hiện phải chuyển đổi khoảng 57.912 m² đất lúa; việc chuyển đổi này sẽ làm giảm diện tích đất canh tác lúa, ảnh hưởng đến đời sống của các hộ dân trồng lúa.

IV. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải, tiếng ồn:

a) Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

b) Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn:

Sử dụng xe bồn dung tích 5 m³ phun nước tạo độ ẩm trên toàn bộ bề mặt thi công với tần suất phun tối thiểu 04 lần/ngày (định mức phun 0,5 lít/m²); sử dụng các loại phương tiện đạt tiêu chuẩn đăng kiểm đối với các phương tiện vận tải đường bộ; che phủ thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu nhằm hạn chế phát tán bụi; bố trí hợp lý thời gian vận chuyển của các phương tiện để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh;...

2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, lưu chứa vào các bao bì theo quy định và định kỳ chuyển giao toàn bộ lượng chất thải rắn này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Sắt vụn, bao bì,...được thu gom, phân loại, bán phế liệu

- Lượng đất đào phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình không đáp ứng chất lượng phục vụ công trình của Dự án, Chủ dự án thu gom vào 04 bãi thải (tại các xã: Lợi Hải, Công Hải huyện Thuận Bắc và xã Lâm Sơn huyện Ninh Sơn, tổng diện tích khoảng 45.000 m²) xử lý theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các bao bì, thiết bị lưu chứa theo quy định và lưu chứa tạm thời trong 02 kho chứa chất thải nguy hại, mỗi kho có diện tích 03 m², sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do chuyển đổi đất lúa:

Khu vực đất trồng lúa bị thu hồi trong phạm vi Dự án thường xuyên bị thiếu nước nên năng suất lúa không cao. Đồng thời, diện tích đất trồng lúa này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (tại danh mục dự án được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022) tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2021. Do vậy, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang thực hiện Dự án ít ảnh hưởng đến đời sống người dân.

V. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng:

Thực hiện giám sát môi trường không khí, cụ thể:

- Vị trí 1: Tại khu vực thi công đầu hướng gió (vị trí giám sát thay đổi theo tiến độ thi công và theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Vị trí 2: Tại khu vực thi công cuối hướng gió (vị trí giám sát thay đổi theo tiến độ thi công và theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Kết quả giám sát so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

VI. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Đảm bảo quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án không ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đúng quy định; thực hiện đúng và đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Tổ chức thực hiện nghiêm phương án phòng, chống, khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời./
